



THƠ VÀ THƠ HAY (Nhân đọc “Tùy Viên thi thoại” của Viên Mai ^(*))

Nguyễn Bá Long^{1*}

TÓM TẮT

Đọc Tùy Viên thi thoại, tôi thấy nhiều ý kiến của Viên Mai (1716 - 1797), nhà thơ - nhà phê bình hàng đầu trong nền văn học cổ điển Trung Hoa đưa ra là khá thuyết phục, có thể vận dụng để cắt nghĩa thơ và thơ hay theo quan niệm mỹ học phương Đông. Bài viết điểm luận một số ý kiến của Viên Mai về sự cắt nghĩa này. Người viết căn cứ vào Tùy Viên thoại, bản dịch của Trương Đình Chi (Nhà xuất bản Văn nghệ Tp Hồ Chí Minh, 2002), lời dịch cũng như thứ tự các thoại đều rút ra từ văn bản của dịch giả.

Từ khóa: Thơ, Viên Mai, Tùy Viên thi thoại

ABSTRACT

Reading Tuy Vien thi thoai, we find out that Vien Mai (1716 - 1797), a famous poet and critic of classical Chinese literature, has many convincing opinions about poetries. These are applied to evaluate poetries and good poetries based on the concept of Eastern aesthetics. This article discusses some of Vien Mai's views on this interpretation. We base on Tuy Vien thi thoai translated by Truong Dinh Chi (Ho Chi Minh City Arts Publishing house, 2002), the translated lyrics and the order of speeches are taken from the translator's text.

Keywords: poetries, Vien Mai, Tuy Vien thi thoai.

1. Thơ là gì? Thế nào là thơ hay?

a) Thông thường trong nghiên cứu khoa học, muốn định tính cho một sự vật hiện tượng nào đó thì trước hết phải tiếp cận bản chất đối tượng, ít nhất cũng cắt nghĩa cho được nó là gì. Khi rút ra khái niệm (tên gọi), người ta sẽ thao tác theo đó. Tuy nhiên trả lời *thơ là gì* thì vấn đề lại không hề đơn giản (cũng như định nghĩa tình yêu vậy). Nói nó không đơn giản không phải nó thuộc thế giới bí hiểm mà bởi nó đã quá nhiều kiến giải nhưng đến nay vẫn chưa có lời cuối cùng. Người ta “giải thơ” theo những phương diện

hợp lý riêng, có hàng trăm cái hợp lý được đưa ra, rút cục vẫn chưa xuất hiện một khái niệm nào làm hạt nhân cho tất cả cái hợp lý ấy. Chẳng hạn:

Trên thế giới: Hê-ghe cho rằng “Thơ là *vương quốc vô hạn của tinh thần* ”, là “thế giới nội cảm”, là “thực tại bên trong”; R. Jakobson: “Thơ là gì? Nếu muốn xác định khái niệm này, chúng ta cần phải đối lập nó với cái không phải thơ. Nhưng nói cái gì không phải thơ, ngày nay không phải dễ”; Theo Valéry “Thơ là sự phân vân kéo dài giữa âm thanh và ý nghĩa”v.v...

¹Trường Đại học Cửu Long

(*) Viên Mai (tự Tử Tài, hiệu Giản Trai)



NGUYỄN BÁ LONG - THƠ VÀ THƠ HAY (Nhân đọc “Tùy Viên thi thoại” của Viên Mai)



1716 - 1797: Nhà thơ, nhà lí luận phê bình thơ ca Trung Quốc đời nhà Thanh. Ông chủ trương thuyết “tính linh”, cho rằng thơ phải dựa vào linh cảm, phải biểu hiện tình cảm cá nhân. Theo đó, cần giải phóng thơ khỏi ràng buộc của truyền thống, cần chú trọng cá tính nhà thơ. Điều này thể hiện rõ trong *Tùy viên thi thoại* (Thi thoại của Tùy Viên)- một tác phẩm nổi tiếng của Viên Mai.

Trong nước: Lê Quý Đôn nhìn nhận “Thơ khởi phát từ lòng người ta”; Sóng Hồng: “Thơ là sự thể hiện con người và thời đại một cách cao đẹp... là tình cảm và lí trí kết hợp với nhau một cách nhuần nhuyễn và có nghệ thuật”; Tố Hữu: “Thơ là một điệu hồn đi tìm những hồn đồng điệu ... là tiếng nói đồng ý, đồng tình, tiếng nói đồng chí”; Chế Lan Viên: “Thơ, thơ đọng từng ngao nhưng tát bể / Là cái cân nhỏ xíu lại cân đời”; Xuân Diệu: “Thơ là cảm xúc dồn nén, kết tinh lại sau đó đọng thành hình, vang lên thành tiếng, ngân lên thành nhạc”; Nguyễn Đình Thi: “Thơ là tiếng nói đầu tiên, tiếng nói thứ nhất của tâm hồn khi đụng chạm với cuộc sống. Tóe lên ở nơi giao nhau của tâm hồn với ngoại vật, trước hết là những cảm xúc”.

Có thể do có quá nhiều định nghĩa như thế nên nảy sinh quan niệm cho thơ là địa hạt bất khả luận, bất khả tri: Thơ là lòng, là hồn, chứ có phải nghề nghệ kĩ thuật gì mà cứ phải lí luận, bàn cãi!. Theo quan niệm này, người ta thừa nhận có nghề hoạ, nghề kịch, nghề viết tiểu thuyết, nghề đàn nhưng nhất định không chấp nhận có nghề thơ. Chế Lan Viên lập luận: “Dù nghề hay hồn thì xưa nay thơ vẫn là một địa hạt gây nhiều trở ngại nhất cho sự thám hiểm của các nhà lí luận” và “Thơ ... lơ ... mơ

... cũng có lí do”

Như vậy, khởi thủy chữ thi (thơ) chỉ toàn bộ sáng tác văn học, dấu ấn của một thời xa xưa (trước CN), khi không chỉ thơ trữ tình mà cả sử thi, kịch đều viết bằng thơ (nói chính xác là văn vần, chẳng hạn: Iliat, Ô-đi-xê, Kinh thi ...). Nghiên cứu sớm nhất, với tư cách là công trình khoa học có hệ thống phải nói đến nhà triết học Hy Lạp Aristote (384 - 322 Tr. CN) với tác phẩm vĩ đại: *Nghệ thuật thơ ca* (Poétique). Kế tiếp, ở phương Đông công trình có tầm cỡ tương đương như *Văn tâm điều long* của Lưu Hiệp (chưa rõ năm sinh năm mất), *Văn phú* của Lục Cơ (261 - 303), *Thi phẩm* của Chung Vinh (khoảng 468 - khoảng 518), *Tùy viên thi thoại* của Viên Mai (1716 - 1797)... Về sau các nhà lí luận lấy những công trình này làm “thủy tổ” cho chuyên ngành *Thi pháp học*. Cùng với sự phát triển của tư duy nghệ thuật, dần dần thơ trở thành hình thức sáng tác riêng, mang những nét đặc thù. Và khi văn chương tách ra khỏi tình trạng nguyên hợp, chuyển sang loại hình nghệ thuật ngôn từ thì trả lời câu hỏi *thơ là gì*, cho đến nay, như trên đã đề cập, vẫn chưa có lời kết.

Ngay cả trong *Tùy Viên thi thoại*, Viên Mai cũng không giải đáp cụ thể. Tuy nhiên ông vẫn nhận thấy: “Phạm vi của thơ rất rộng. Có những bậc học sĩ, đại trượng phu đọc hàng vạn cuốn sách mà vẫn không tìm ra điểm chốt yếu của thơ” (Thoại 156, tr. 246). Còn *thế nào là thơ hay* thì ông lại luận bàn, cắt nghĩa một cách tường tận, sinh động (theo cách hiểu của ông).

b) Kì thực, trả lời câu hỏi *thế nào là thơ hay* đồng nghĩa với *thế nào là đẹp* trong mỹ học. Theo mỹ học Mác xít, cái đẹp xuất hiện như một khách thể, cảm nhận được nó lại



thuộc về chủ thể: chủ thể ý thức, “mặc định” cho nó, biến cái tự nó thành cái cho ta. Ở đây không phủ nhận những thiên kiến của chủ thể, nhưng cái đẹp chỉ nảy sinh trong mối quan hệ khách thể và chủ thể: Một sự vật, hiện tượng được coi là đẹp, là hay khi chính nó phải hội đủ những tiêu chuẩn thẩm mỹ. Chủ thể đủ năng lực tiếp nhận sẽ không nhìn cái đẹp, cái hay thành cái xấu - cái dở và ngược lại. Là nhà lí luận phê bình của một đất nước khổng lồ, có bề dày hàng ngàn năm, như cái nôi văn minh của khu vực, Viên Mai thẩm bình thơ chắc chắn là dưới ánh sáng của mỹ học phương Đông. Quan niệm của ông về *thơ* và *thơ hay* vừa cấp tiến, có nhiều nét tương đồng với mỹ học hiện đại phương Tây, vừa thấm sâu những giá trị tinh thần được kết tinh từ truyền thống, từ không gian văn hóa dân tộc. Có lẽ do vậy mà trong *Tùy Viên thi thoại* đã không có chỗ cho thơ dục tình trần trụi, thơ giễu nhại, tục tĩu, phản cảm.

Nói gọn lại, tìm một định nghĩa duy nhất đúng cho thơ là gần như không thể. Nhưng xác lập những tiêu chuẩn để định giá giá trị của thơ thì có thể (NBL nhấn mạnh). Tính từ “hay” trong “thơ hay” nghịch nghĩa với “thơ dở”, vượt qua “thơ vừa” (“Bài hay xen lẫn với

bài vừa” - Hồ Chí Minh). Đã là “thơ hay” thì bao giờ cũng có giá trị và dĩ nhiên, nó hữu ích: cái đẹp tất phải có ích.

Một điểm nữa, như điều hiển nhiên: *Thơ* và *thơ hay* khác hẳn về đẳng cấp, giá trị. Sức lan tỏa của thơ hay là khó cưỡng lại, hiệu năng đối với xã hội cũng không hề nhỏ, nó có thể truyền từ đời này sang đời khác: “Thơ mà được lưu truyền hẳn phải nhờ thơ hay” (Viên Mai - Thoại 355, trang 501). Còn từ thơ hay đến tuyệt tác là cả một khoảng cách rất xa. Thơ hay thì thời nào cũng hiếm, kiệt tác lại càng hiếm (NBL nhấn mạnh). Thơ hay cũng có thể phân thành cấp độ: Có thơ hay của một thời và có thơ hay vĩnh viễn; thơ hay vĩnh viễn như một số thi phẩm của Lí Bạch, Đỗ Phủ, Bạch Cư Dị, Nguyễn Trãi, Nguyễn Du ... đích thực là những kiệt tác vượt mọi giới hạn của không gian và thời gian.

2. Điểm luận một số ý kiến của Viên Mai về thơ hay

Trước khi cho ra đời *Tùy Viên thi thoại*, Viên Mai đích thực là một nhà thơ lớn. Cả trong sáng tác và phê bình, ông đều nhất quán đề cao thuyết “tính linh” và lấy đó làm nền tảng. Thơ ông có bài:

遣興

靈犀一點是吾師。

靈犀一點是吾師。

夕陽芳草尋常物

解用都為絕妙詞。

Khiển hứng (II)

Đãn khảng tâm thi tiện hữu thi,

Linh tê nhất điểm thị ngô sư.

Tịch dương phương thảo tâm thường vật,

Giải dụng đô vi tuyệt diệu từ.

Dịch thơ:

Chịu khó tìm thơ sẽ có thơ

Tâm linh điểm ấy chính thầy ta

Trời tà, cỏ nhạt, bình thường vật

Dùng đến đều nên vẻ mịn mà

(Người dịch: Khuyết danh)



Khái niệm “tâm linh” theo cách gọi của Viên Mai chỉ có nghĩa là tâm hồn, không mang hàm nghĩa thần bí. Ông nói: “Thơ là biểu hiện tính tình của mỗi người... nếu tự bó buộc theo đúng Đường - Tống thì trong lòng mình không còn tính tình gì riêng nữa và như vậy sẽ làm mất cái bản ý của thơ”. Tên gọi “tâm linh”, “tính tình”, “tình” đều chung trường nghĩa với “tính linh”, tất cả đều hướng tới coi trọng tình cảm, hứng cảm trong sáng tạo thẩm mỹ. Theo Viên Mai, không có tình cảm thì không có thơ, và do vậy cũng không có lý luận về đặc trưng nghệ thuật của thơ. Ông “mặc định” tính linh là cái phong thú tự nhiên mà nhà thơ bỗng cảm nhận được, bất kể dung lượng dài hay ngắn, thơ của kẻ bình dân hay thơ của người quân tử, nếu có tính linh thì sẽ có thơ và có thể là thơ hay. Ông viết: “Người đời thường chỉ biết những đoạn thơ văn ngắn là tác giả kém tài, mà không biết như đoạn thơ văn dài ngàn vạn lời chữ cũng là tác giả kém tài” (Thoại 41 trang 73). Thơ của người “kém tài” thì không thể hay, không hay có nhiều lý do, trong đó trước hết bởi nó nghèo tình cảm (chính xác là rung cảm thẩm mỹ), nghèo cái này, thơ rất khó đi vào lòng người. Viên Mai quả quyết: “Thơ thấm vào tim gan người ta là thơ hay rồi. Không cần phải do một nhà thơ lão luyện nào làm ra nó” (Thoại 509, trang 740).

Viết dưới ánh sáng của mỹ học phương Đông, Viên Mai luôn đặt cái đẹp (*Mỹ*) trong mối tương thông, tương kết với cái *Chân*, cái *Thiện* hợp thành ba đỉnh giá trị. Bài thơ hay (Đẹp) như điểm hội tụ của cái *Chân* và cái *Thiện*. Thuyết “tính linh” của ông lấy chân tình làm hạt nhân hợp lý: chân tình trong toàn bộ xúc cảm thẩm mỹ, chân tình

như điều kiện tiên quyết để thi nhân sáng tác. Ông viết: “Thơ rất khó ở nội dung thành thực, phải có tính tình gửi vào đó thì mới thành thực được, trái lại thì chỉ là những lời phô diễn bày đặt mà thành thôi” (Thoại 231, trang 341). Tương tự, đến Thoại 609 (trang 905) có đoạn: “Các nhà thơ đề tài thường tả cảnh hay ngôn tình. Tôi cho rằng tả cảnh dù hay thì đọc qua rồi cũng dễ quên, còn tình mà chân thật thì thường lẫn khuất trong lòng khiến ta khó quên”.

Thơ hay bao giờ cũng hướng thiện (trái với tà). Tình cảm chân tình hòa hợp với cái đúng, cái tốt. Viên Mai dẫn lời của Doãn Văn Doan: “Lời nói là tiếng phát ra của trái tim. Từ xưa đến nay, chưa kẻ nào có được *thơ hay* mà trái tim nghĩ những điều không tốt” (Thoại 408, trang 597). Trong sáng tạo thơ ca, ông rất chú ý đến chủ thể. Theo ông, được gọi là thi nhân thì phải hội đủ ba tố chất: chân tình, cá tính và thi tài (thi tài = “thiên tính” + học vấn + tu luyện). Nhưng trước hết là ở phẩm cách, ở chữ Tâm của chủ thể, chất thi nhân sản sinh ra thi nhân, người làm thơ (thi sĩ) chưa hẳn đã được gọi bằng mỹ danh này. Chẳng hạn ở Thoại 325, trang 461: “Vương Tây Trang viết một bài tựa cho một người khác, trong đó có câu: “Ta có thể bảo người đó là một thi nhân, không hẳn đã là người biết làm thơ. Nếu người đó tâm hồn siêu thoát, có ý vị tao nhã trong hành vi, dầu rằng học không viết một chữ nhưng vẫn là một thi nhân. Còn những kẻ trong lòng thô tục, cư xử cục súc thì dầu suốt ngày nhai văn nuốt chữ, đọc hết thiên kinh sách họ cũng không phải là một thi nhân. Tôi thích câu nói đó, vì nó đã nói lên một cái ý trước thơ”. Tạt ngang một chút, sinh thời nhà văn



Nguyễn Tuân cũng phân biệt “thi sĩ” và “thi nhân” theo hàm nghĩa như Viên Mai. Thi sĩ thì nhiều, thi nhân nào có bao nhiêu!

Trở lên thuộc về nội dung, về chủ thể. Thơ hay, nội dung phải tiến bộ, tư tưởng phải tích cực, tình cảm phải chân thật, đoan chính, chủ thể phải trọn vẹn cả ba tố chất, trong đó trước hết phải chính tâm (NBL nhấn mạnh).

Tuy nhiên đó chỉ là một trong hai phương diện để nhận diện thơ hay (thơ đỉnh cao). Với Viên Mai, thẩm định thơ, ông không tách rời nội dung và hình thức. Hai mặt được ông nhìn nhận rất trung dung, hợp lý (khác với các nhà phê bình cấu trúc luận ở phương Tây).

Ông quan niệm đã là thơ hay thì hình thức (câu tứ, ngôn từ, thủ pháp, hình tượng...) phải mới mẻ, linh hoạt, độc đáo, tự nhiên; nhà thơ phải thể hiện cho được dấu ấn của cái “tôi” sáng tạo. Ông viết: “Làm người thì không nên có cái “ta” (“ta” hiểu theo nghĩa cá nhân chủ nghĩa - NBL). Có cái “ta” thì thường là tự thị, xử sự ngang trái. Đó là căn bệnh nặng ... Còn đến như làm thơ thì sẽ cần có cái “ta” (tức cái “tôi trữ tình” - NBL). Không có cái “ta” trong thơ thì thành ra lời lẽ phô diễn, góp nhặt hết cả của người” (Thoại 224, tr 331). Bởi Viên Mai thấy rõ hai điều “tiêu hủy” thơ: Thứ nhất, bệnh “sáo” trong thơ: “Nếu bài thơ vịnh cảnh, ngày nay vịnh, ngày mai lại có thể vịnh như thế được; bài thơ tặng nay cho người này mai cho người khác vẫn được, thì đó chỉ là lời văn sáo rỗng mà thôi” (Thoại 39, tr 71). Thứ hai, bắt chước tiền nhân một cách máy móc, xơ cứng: “Vị như ngày nay, họ học theo lối thơ Đỗ Phủ, rồi làm những câu thơ cũng giống như Đỗ Phủ. Học thơ Hàn Dũ rồi làm những câu thơ

cũng giống như thơ họ Hàn. Nhưng người ta há lại không xem thơ của chính Hàn Vũ, Đỗ Phủ làm ra, mà chịu xem thơ Đỗ Phủ, Hàn Dũ giả hay sao ?” (Thoại 238, tr. 349). Ấy là phê phán kiểu thơ “mô phỏng” thiếu tìm tòi, còn “lộ trình” để có thơ hay thì, theo Viên Mai, cách tân phải có kế thừa, kế thừa trong chủ động và sáng tạo. Ông viết: “Người đời sau phải học cổ nhân rồi mới làm được thơ hay. Nhưng người khéo học thì ví như người được cá rồi quên cái đó. Kẻ vụng học thì ví như khắc vào mạn thuyền mà tìm thanh kiếm lúc ngồi trên thuyền đánh rơi xuống sông” (Thoại 98, tr 157).

Viên Mai cho rằng thơ hay thì ý tứ phải tinh vi, sâu sắc nhưng không bí hiểm; ngôn từ tinh diệu, “ngoắt ngoéo” nhưng vẫn tự nhiên, dễ dãi (tức không “múa chữ”, không đánh đố người đọc, dễ dãi mà không thô ráp, không sống sượng). Ông tâm sự: “Mỗi khi làm một bài thơ tôi thường sửa đến năm ba ngày, có khi để lâu hơn nữa rồi lại sửa. Là tại sao vậy ? Bởi cầu cho tinh vi sâu sắc, đó là một nửa công phu, cầu cho lời thơ bình thường dễ dãi là một nửa công phu nữa. Không tinh vi sâu sắc, thì không thể thành một tác phẩm siêu việt. Không bình thường dễ dãi thì mọi người không thể lĩnh hội được” (Thoại 292, tr 417).

Lại nảy sinh vấn đề đáng quan tâm, người đọc như lí do tồn tại của thơ, thơ càng hay người đọc càng nhiều, thơ mà số đông cần đến nó như cần cơm ăn, nước uống thì chắc hẳn phải là thơ hay. Làm thơ “tác tị”, thơ “hủ nút” đến mức chính tác giả cũng chẳng biết là mình viết về cái gì, như thế chỉ còn cách, hoặc gửi cho “người ngoài hành tinh” hoặc để mặc chủ nhân một mình ngâm ngợi, rồi ...vút!



Làm thơ mà không cần (hoặc không tôn trọng) người đọc thì, nói như thi nhân Hữu Thịnh: “Thơ bỏ đời thì đời cũng bỏ thơ”. Ông Chủ tịch Hội Nhà văn nhận xét: “Cảm thấy xa rời đời sống còn chưa đủ, có người còn đẩy vấn đề đi đến chỗ cực đoan hơn: Thơ ngày nay viết để đọc chứ không phải để thuộc. Thơ viết khó hiểu mới hay, mới sang trọng. Chưa bao giờ thơ bị hiểu nhầm nhiều như bây giờ. Nếu tình hình không được khắc phục, thì hiểm họa đang tới gần: người làm thơ đông hơn người đọc. Và thậm chí dẫn đến cái chết của thơ ca”. Xin nói dài thêm, “thơ bị hiểu nhầm” không chỉ ở người làm ra thơ mà bao gồm cả một số nhà phê bình và người giảng dạy thơ nữa. Có người còn gắn vào đó nhãn mác “thơ hậu hiện đại”, “thơ siêu thực” cho thêm “tân thời”, nghe có vẻ hoành tráng! Nhưng khổ nỗi, thử hỏi ở xứ ta có bao nhiêu người đọc thơ bằng “hậu hiện đại”, bằng “siêu thực”? Chẳng lẽ lại quay sang đổ lỗi, rằng năng lực tiếp nhận của họ quá thấp, không đủ “tầm đón đợi” như ở bên Tây bên Mỹ ?!

Mà có lẽ ở thời đại Viên Mai, bên Tây cũng chưa xuất hiện làn sóng “mỹ học tiếp nhận” hay “tầm đón đợi” gì cả! Ấy nhưng trong *Tùy Viên thi thoại*, tác giả đã sớm đề cao vai trò người đọc. Một bài thơ hay, theo tác giả, phải có sự cộng hưởng của đông đảo độc giả đương thời, không cần phải đợi đến những mấy trăm năm sau. Thoại 292, trang 417 có đoạn: “Có vị hiệu liêm họ Uông mang thi tập của ông đưa tôi xem, tôi không nhận ra điểm nào hay cả. Ông họ Uông nói rằng: “Thơ của tôi phải truyền đến năm trăm năm sau mới có người biết được”. Tôi cười mà nói rằng: “Người người không ai hiểu cả thì đến năm ngày cũng không truyền được, sao truyền

đến những năm trăm năm ?!”.

Vào hậu kì văn học trung đại ở phương Đông, dù cách tân đến đâu thì *thơ điệu ngâm* (chữ của Trần Đình Sử) vẫn áp đảo trên thi đàn. Thơ điệu ngâm là thơ có cấu trúc đầy âm vang, giàu nhạc điệu, dễ nhớ, dễ ngâm, khác với *thơ điệu nói* (thơ tự do không vần, “co duỗi” linh hoạt, nhạc tính vọng từ bên trong, đọc chứ không ngâm). Cũng thuộc về hình thức, tuy không tuyệt đối hóa nhưng Viên Mai vẫn thừa nhận “bài nào tứ tâm kì, âm điệu êm ái là thơ hay” (Thoại 261, trang 358). Và cái hay của thơ cũng đa dạng, tùy thuộc vào mỹ cảm, nhận thức và phong cách của từng tác giả, không thể lấy một kiểu mẫu cụ thể nào đó làm hệ quy chiếu để áp vào đánh giá thơ người khác. Thoại của Viên Mai tỏ ra thuyết phục: “Thơ ví như trăm hoa do tạo hóa điểm tô, xuân thì lan, thu thì cúc ... hoa nào cũng có vẻ đẹp riêng, ta không thể so sánh được” (Thoại 261, trang 358).

Là chủ xướng của trường phái *thơ ngôn tình*, đề cao văn chương hình tượng, chủ nhân *Tùy Viên thi thoại* chủ trương gắn thơ với đời, thơ với khoảng lặng riêng tư của mỗi con người (thơ khuê tình). Chất hàn lâm, cao nhã (dày đặc điển cố điển tích) trong thơ, đến ông, tuy không phủ nhận nhưng rẽ theo hướng khác: Phải kéo thơ về với cuộc sống, với tình cảm nhiều hơn. Có như vậy thì thơ mới dễ đi vào lòng người (số đông) và mới có khả năng hay. Câu “Tìm thơ ở trong sách nhưng thấy thơ ở ngoài sách” (Thoại 156, trang 247) của Viên Mai thể hiện quan niệm này. Không phải ngẫu hứng mà ông viết: “Những câu thơ vật mà hay” (thoại 205, trang 313); “vật” ở đây được hiểu là đề tài, cảm hứng đều được gọi lên từ cảnh



sắc, con người trong cuộc đời thường; lời thơ, ý thơ bình dị mà thâm thúy.

Văn chương hình tượng miêu tả đi đôi với biểu hiện, chủ thể trong khách thể, phản ánh để suy ngẫm. Thuyết tính linh của Viên Mai xuất phát từ những điều kiện chủ quan trong sáng tác thi ca. Do vậy ông chủ trương vịnh cảnh phải nhằm hướng tới tỏ tình, nhà thơ phải kí thác được điều gì đó mới mẻ về cuộc sống, về con người và lẽ nhân sinh: “Thơ vịnh những di tích cổ mà có kí thác ý riêng mới hay, mà độc giả cũng cần biết ý kí thác đó, rồi mới nhận ra thơ hay” (Thoại 625, trang 928). Thoại tiếp: “Thơ vịnh mà không gửi được một ý khác thì thật là ngây ngô. Thơ vịnh sử mà không nói được ý gì mới thì khác nào đem nhị thập nhất sử đặt thành văn vần” (Thoại 97, trang 155). Và : “Thơ không kí thác được một ý ngoài thường nhạt nhẽo vô vị” (Thoại 76, trang 129). Chúng tôi cho rằng từ “kí thác” mà Viên Mai sử dụng còn ám chỉ những ẩn ngôn, ẩn nghĩa trong thơ, nhà thơ “nói bóng nói gió” để gửi gắm tâm trạng, bộc lộ cảm xúc; nếu nói “thăng tuột” thì chẳng còn gì là thơ nữa. Ông cho rằng một bài thơ hay, nghĩa của nó luôn lấp lửng giữa giải và bất khả giải. Bất khả giải không phải vô nghĩa, tối nghĩa mà là ẩn nghĩa, nhà thơ “nói hộ” người khác những uẩn khuất nội tâm.

Viên Mai quan niệm thơ có thể được sản sinh từ tiềm thức, hơn nữa lại có thể là thơ hay. Thoại 167, trang 260, có đoạn: “Trong giấc mộng thường được những câu thơ hay. Mở mắt ra còn nhớ nhưng nhắm mắt ngủ lại thì sáng mai thường quên mất. Như thế, thơ không chỉ là tiếng nói của ý thức trong cõi tỉnh mà còn là tiếng vọng, là hồi quang của

tiềm thức qua giấc mơ. Có lẽ đây là điểm gặp giữa Viên Mai với các nhà lí luận phê bình phương Tây.

Tuy nhiên nói thế không có nghĩa phủ nhận vai trò của lí trí. Không có xúc cảm chân thành, nồng nhiệt thì không có thơ. Đồng thời, không có lí trí dẫn dắt thì thơ dễ hời hợt, thiếu chiều sâu. Để cân bằng, Viên Mai “khuyến cáo” thơ cần phải “đậm” nhưng là “đậm” sau khi đã “nồng”. Đối với chủ thể cũng vậy, một mặt ông đề cao thiên khiếu (năng khiếu trời cho), mặt khác ông nhấn mạnh vai trò của khổ luyện, của học vấn và hiểu biết. Chẳng hạn, Thoại 42, trang 74: “Thơ khó ở ý vị, thơ có ý vị là nhờ tác giả có tính tình. Thơ khó có vẻ tao nhã, thơ tao nhã là nhờ tác giả có học vấn. Nếu không thơ chỉ là những lời nhảm nhí của bọn bi lậu cao hứng hát ngao mà thôi”. Và: “Thiên Học kí rằng: “Bất học bác y bất năng an thi” Nghĩa là không học rộng để có chỗ căn cứ thì thơ không thể ổn được” (Thoại 583, trang 863). Cũng đừng nghĩ rằng hễ ai học rộng thì đương nhiên sẽ có thơ hay mà phải hiểu đó như một trong những điều kiện “có chỗ căn cứ” (tức nền tảng nhận thức) để, trên nền tảng ấy, nhà thơ mới có thể “bung ra” những thi phẩm vừa “đậm” lại vừa “nồng”, đắm say mà lắng đọng.

Có một ý Viên Mai đưa ra dẫn đến nhiều cách hiểu. Đó là, theo ông “Ý thơ càng ngớ ngẩn càng hay” (Thoại 192, trang 302). Thứ nhất, cái “ngớ ngẩn” ở đây được hiểu là sau khi ý thơ đã vượt qua ngưỡng của sự vi diệu, tinh tế trở về trạng thái hồn nhiên, tự nhiên (dạng như “Thơ cần phải đậm nhưng là đậm sau khi đã nồng”). “Ngớ ngẩn” theo kiểu “siêu thành thực”, “siêu chân tình”, “siêu kĩ xảo”,



tâm hồn nhà thơ siêu thoát, trong trắng như thuở ấu nhi. Theo Viên Mai có như vậy thì thơ mới tránh được sự gượng gạo, toan tính, vụ lợi.

Cách hiểu khác, xem thơ là địa hạt của sự phi lí, lệch chuẩn, “ngớ ngẩn” trong diễn ngôn. Tức giữa cái biểu đạt và cái được biểu đạt không tuân theo quy luật vô đoán thông thường của ngôn ngữ. Cái được biểu đạt luôn “ngoắt ngoéo” (chữ của Viên Mai), “trái khoáy” như là đặc trưng của diễn ngôn thơ. Chẳng hạn, Chu Dung Y có câu: “Sơn ảnh áp thuyền xuân mộng trọng” (dịch: “Bóng núi đè thuyền nặng giấc xuân” - Thoại 387, trang 565), nó chỉ có nghĩa trong thi ca, không chính xác trong diễn ngôn thông dụng. Tương tự, những câu như “Tháng giêng ngon như một cặp môi gần” (Xuân Diệu), “Nắng xuống chiều lên sâu chót vót” (Huy Cận), “Cỏ bên trời xanh một sắc Đạm Tiên” (Chế Lan Viên)... đều “phi lí” về nghĩa trong Từ điển tiếng Việt. Tuy nhiên với lớp từ thi ca thì nhờ “phi lí” này thơ mới hay. Có lẽ thế mà nhà nghiên cứu Phan Ngọc đề xuất: “Thơ là một cách tổ chức ngôn ngữ hết sức quái đản để bắt người tiếp nhận phải nhớ, phải cảm xúc và, phải suy nghĩ do chính hình thức tổ chức ngôn ngữ này”. Đến Lã Nguyên: “Điều thú vị là ở chỗ, sáng tác nghệ thuật bao giờ cũng cho phép sử dụng các thủ pháp, thao tác tạo nên sự vênh lệch, trật khớp giữa *lời* và *ý*, giữa *chữ* và *nghĩa*, giữa hệ thống *ký hiệu ngôn từ phi vật thể* và hệ thống *ký hiệu tạo hình để lạ hoá ngôn ngữ tự nhiên*”.

3. Kết luận:

- Tuy còn những hạn chế nhất định (chẳng hạn xem nhẹ chức năng phản ánh xã hội của thơ, biệt lập thơ với chính trị...), nhưng qua

những điều ông đề cao và phê phán chứng tỏ, đến Viên Mai, thơ cần được “giải tỏa” những ràng buộc truyền thống, thoát ra khỏi văn chương chức năng, chuyển sang văn chương hình tượng. Quyền uy văn chương cũng thay đổi, tính chất quan phương không còn tuyệt đối như xưa, sáng tác văn chương không nhằm mục đích tiến thân và cũng không nhằm để làm quan “trông coi thiên hạ”. “Tuyên ngôn” của ông:

Túc dạ bất vong duy trúc bạch

Lập thân tối hạ thị văn chương

Lời dịch:

Khuya sớm những mong ghi sử sách

Lập thân hèn nhất ấy văn chương

(Dẫn theo Hoài Thanh, *Phan Bội Châu*, Nxb văn hóa, 1978, tr. 15 - 16)

Đặt vào hoàn cảnh đất nước Trung Hoa và các nước phương Đông lúc bấy giờ, lời của Viên Mai như một hiện tượng lạ, quan niệm về thơ ca có nhiều điểm tiên bộ, đáng quan tâm.

Từ quan niệm của Viên Mai về thơ và thơ hay mà thấy được: Thời xưa những người “chơi thơ” có đẳng cấp coi thơ như phương tiện giao tiếp thâm mỹ, tính tư tưởng là không thể xem nhẹ, nhân cách nhà thơ rất được chú trọng, đạt đến một mức nào đó thì được gọi bằng mỹ từ “thi nhân” (quan niệm văn là người). Những tìm tòi, đổi mới hình thức thơ, thủ pháp làm thơ... đều được Viên Mai đề cập khá thấu đáo; nhiều ý kiến của ông có thể vận dụng vào thẩm định giá trị đích thực của thơ Việt Nam trong kỉ nguyên hội nhập và cũng là kỉ nguyên “lạm phát thơ” chưa từng thấy ở nước ta hiện nay.



TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Roman Jakobson, *Thơ là gì?* trong sách “Chủ nghĩa cấu trúc và văn học”, Trịnh Bá Đĩnh, Nxb Văn học - Trung tâm Nghiên cứu Quốc học, 2002, tr 177
- [2] Sóng Hồng, *Thơ là sự thể hiện con người và thời đại một cách cao đẹp*, trong sách “Tư liệu thơ Việt Nam hiện đại 1955 - 1975”, Nxb Giáo dục 1983, tr. 123
- [3] Tố Hữu, *Thơ là tiếng nói đồng ý đồng tình, tiếng nói đồng chí*, trong sách “Tư liệu thơ Việt Nam hiện đại 1955 - 1975”, Nxb Giáo dục 1983, tr. 128)
- [4] Chế Lan Viên, *Nghĩ về nghề, nghĩ về thơ, nghĩ ...*, trong sách “Đến với thơ Chế Lan Viên”, Nxb Thanh niên, 2000, tr. 30
- [5] Nguyễn Đình Thi, *Mấy ý nghĩ về thơ*, trong “Ngữ văn 12 tập một”, Nxb Giáo dục, 2008, tr. 55
- [6] Chế Lan Viên, *Tựa*, trong “Thơ và mấy vấn đề trong thơ Việt Nam hiện đại” - Hà Minh Đức, Nxb Giáo dục 1998, tr. 7.
- [7] Hữu Thịnh, *Văn học với nhiệm vụ đưa văn hóa thấm sâu vào đời sống*, Bản tin Lí luận phê bình văn học nghệ thuật, số 22, tháng 12 năm 2011, tr.35)
- [8] Phan Ngọc *Thơ là gì?*, (“Cách giải thích văn học bằng ngôn ngữ học”), Nxb Trẻ, 2000, tr. 29
- [9] Lã Nguyên, “Văn học hiện thực XHCN như một hệ hình ngôn ngữ”, <http://lyluanvanhoc.com/?p=3787>